

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	07 - 09
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11 - 12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	13 - 50

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đào Hữu Kha	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 08/05/2026
Ông Đào Hữu Huyền	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 08/05/2026
Ông Đào Hữu Duy Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 08/05/2026
Ông Nguyễn Quốc Trung	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 08/05/2026
Ông Phạm Duy Tùng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 08/05/2026
Ông Phạm Văn Hùng	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 08/05/2026
Ông Lưu Bách Đạt	Thành viên HĐQT	
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT độc lập	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lưu Bách Đạt	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03/03/2025
Ông Đào Hữu Duy Anh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 03/03/2025
Ông Phùng Trọng Tú	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/06/2026
Ông Phạm Duy Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/06/2026
Ông Phạm Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 08/05/2026

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Kiên	Trưởng ban
Ông Vũ Văn Ngộ	Thành viên
Bà Phạm Thị Thoa	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Ông Đào Hữu Huyền	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 08/05/2026
Ông Đào Hữu Duy Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 08/05/2026
Ông Lưu Bách Đạt	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03/03/2025

Kế toán trưởng

Bà Trương Thị Loan	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 08/05/2026
Bà Đào Thị Mai	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 08/05/2026

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Lưu Bách Đạt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2026

Số: 752/2026/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang
và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025*

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang và các công ty con (gọi tắt là “Tập đoàn”), được lập ngày 20 tháng 6 năm 2026, từ trang 07 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Do được bổ nhiệm làm kiểm toán viên của Tập đoàn sau thời điểm kết thúc năm tài chính 31/12/2025, chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho đang ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo với giá trị tại ngày 31/12/2025 là hơn 950,9 tỷ đồng. Các thủ tục thay thế không đem lại cho chúng tôi bằng chứng đáng tin cậy để đưa ra ý kiến kiểm toán về tính hiện hữu, tính đầy đủ, tính chính xác và tính giá trị của khoản mục này trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư hàng tồn kho được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025 hay không, cũng như ảnh hưởng có thể có của vấn đề này đến các chỉ tiêu liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 33 – Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính, ngày 17/3/2026, một số nguyên thành viên Ban lãnh đạo chủ chốt của Tập đoàn đã bị khởi tố và đang trong quá trình phục vụ công tác điều tra liên quan đến các vi phạm quy định về kế toán, vi phạm quy định về khai thác tài nguyên và gây ô nhiễm môi trường.

Tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất, vụ việc vẫn đang trong quá trình điều tra và chưa có kết luận chính thức từ cơ quan có thẩm quyền. Chúng tôi chưa thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá liệu các vấn đề nêu trên có dẫn đến sai sót trọng yếu nào đối với Báo cáo tài chính hợp nhất hay không, bao gồm các ảnh hưởng tiềm tàng liên quan đến việc ghi nhận kế toán, nghĩa vụ phải trả, các khoản dự phòng hoặc chi phí liên quan đến xử lý môi trường (nếu có).

Do đó, tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa thể xác định được liệu có cần thiết phải thực hiện các điều chỉnh đối với các chỉ tiêu liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại Báo cáo kiểm toán số HAN 3888 tại ngày 26/02/2025.



Trịnh Thị Trang
Giám đốc Kiểm toán
Giấy CNĐKHN kiểm toán số
4061-2022-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2026

A blue ink signature, likely belonging to Nguyễn Thị Thu Hà, is written on the right side of the page.

Nguyễn Thị Thu Hà
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số
2277-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.127.235.627.095	12.700.554.128.065
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.040.520.026.762	115.781.847.631
Tiền	111		761.375.666.762	90.121.347.631
Các khoản tương đương tiền	112		279.144.360.000	25.660.500.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	12.065.290.261.748	10.570.339.235.577
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		12.065.290.261.748	10.570.339.235.577
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.220.415.660.880	979.616.786.629
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	651.126.141.033	500.443.577.069
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	241.934.976.766	257.511.944.722
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	332.334.512.496	226.626.463.848
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.979.969.415)	(4.965.199.010)
Hàng tồn kho	140	9	1.681.531.290.891	984.727.571.037
Hàng tồn kho	141		1.681.862.632.726	985.030.430.826
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(331.341.835)	(302.859.789)
Tài sản ngắn hạn khác	150		119.478.386.814	50.088.687.191
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	5.693.962.034	6.901.464.654
Thuế GTGT được khấu trừ	152		77.623.120.480	42.140.612.700
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	36.161.304.300	1.046.609.837

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.410.887.776.977	3.120.704.495.499
Các khoản phải thu dài hạn	210		9.250.000.000	32.496.859.984
Phải thu dài hạn khác	216	8	9.250.000.000	32.496.859.984
Tài sản cố định	220		2.278.263.777.972	2.495.504.871.071
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.943.440.172.369	2.152.290.235.770
- Nguyên giá	222		5.110.708.060.068	5.036.570.849.483
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(3.167.267.887.699)	(2.884.280.613.713)
Tài sản cố định vô hình	227	12	334.823.605.603	343.214.635.301
- Nguyên giá	228		356.070.834.289	356.070.834.289
- Giá trị khấu hao lũy kế	229		(21.247.228.686)	(12.856.198.988)
Tài sản dở dang dài hạn	240	13	804.786.517.067	161.253.406.174
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		804.786.517.067	161.253.406.174
Tài sản dài hạn khác	260		318.587.481.938	431.449.358.270
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	230.079.085.866	349.565.061.422
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		3.492.596.181	321.010.721
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		34.884.082.413	24.222.342.858
Lợi thế thương mại	269	14	50.131.717.478	57.340.943.269
TỔNG TÀI SẢN	270		19.538.123.404.072	15.821.258.623.564

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		4.167.309.059.753	2.120.242.323.437
Nợ ngắn hạn	310		4.103.239.128.703	2.053.342.950.641
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	203.816.930.867	313.173.681.804
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	31.538.346.574	72.040.064.302
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	351.834.001.642	183.571.847.829
Phải trả người lao động	314		194.872.416.660	145.898.267.073
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		18.719.754.308	1.622.723.309
Phải trả ngắn hạn khác	319		1.273.802.351.674	9.916.973.473
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	1.546.200.498.646	864.648.943.903
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		482.454.828.332	462.470.448.948
Nợ dài hạn	330		64.069.931.050	66.899.372.796
Phải trả dài hạn khác	337		226.578.448	181.221.656
Thuế thu nhập doanh nghiệp	341		63.743.352.602	66.618.151.140
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		100.000.000	100.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.370.814.344.319	13.701.016.300.127
Vốn chủ sở hữu	410	19	15.370.814.344.319	13.701.016.300.127
Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.797.792.860.000	3.797.792.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.797.792.860.000	3.797.792.860.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.786.667.372.400	1.786.667.372.400
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(849.228.747.207)	(849.228.747.207)
Cổ phiếu quỹ	415		(8.730.000)	(8.730.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.801.113.539.567	1.417.464.445.654
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.490.251.089.552	7.205.267.275.993
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.639.189.274.575	5.128.459.953.551
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.851.061.814.977	2.076.807.322.442
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		344.226.960.007	343.061.823.287
TỔNG NGUỒN VỐN	440		19.538.123.404.072	15.821.258.623.564

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2026

Người lập



Nguyễn Thị Hồng Đức

Kế toán trưởng



Trương Thị Loan



Lưu Bách Đạt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	11.267.036.236.933	9.870.655.430.211
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	4.654.836.985	5.685.669.738
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		11.262.381.399.948	9.864.969.760.473
Giá vốn hàng bán	11	23	7.740.121.092.780	6.415.482.365.842
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.522.260.307.168	3.449.487.394.631
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	728.647.921.204	649.243.063.937
Chi phí tài chính	22	25	107.865.643.249	69.127.470.601
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>		<i>40.759.945.619</i>	<i>21.654.372.047</i>
Chi phí bán hàng	25	26	385.375.771.383	447.124.707.178
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	176.870.633.803	170.651.068.755
Lợi nhuận thuần từ hoạt động	30		3.580.796.179.937	3.411.827.212.034
Thu nhập khác	31		8.747.673.611	5.765.045.537
Chi phí khác	32		22.175.456.864	17.316.746.042
Lợi nhuận khác	40		(13.427.783.253)	(11.551.700.505)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.567.368.396.684	3.400.275.511.529
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	419.657.250.305	296.157.417.008
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(6.046.383.998)	(3.283.725.372)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập	60		3.153.757.530.377	3.107.401.819.893
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		2.990.397.053.977	2.986.646.667.039
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông	62		163.360.476.400	120.755.152.854
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	7.402	7.392
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	20	7.402	7.392

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Hồng Đức

Trương Thị Loan



Lưu Bách Đạt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		3.567.368.396.684	3.400.275.511.529
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		314.533.241.262	368.494.669.698
Các khoản dự phòng	03		43.252.451	121.556.132
Lãi/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		8.883.530.337	1.334.769.930
Lãi/Lỗ hoạt động đầu tư	05		(615.764.115.379)	(541.155.668.264)
Chi phí lãi vay	06		40.759.945.619	21.654.372.047
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.315.824.250.974	3.250.725.211.072
Tăng/giảm các khoản phải thu	09		(267.640.784.586)	242.691.164.980
Tăng/giảm hàng tồn kho	10		(707.493.941.455)	(138.317.820.008)
Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(200.119.300.872)	90.616.630.216
Tăng/giảm chi phí trả trước	12		125.129.115.095	48.714.428.331
Tiền lãi vay đã trả	14		(40.650.521.148)	(20.721.921.171)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(205.973.819.868)	(242.832.029.335)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(170.187.102.191)	(111.401.460.978)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.848.887.895.949	3.119.474.203.107
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(589.262.122.472)	(522.002.864.265)
Tiền thu thanh lý nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		5.386.365.895	1.066.666.667
Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(11.651.203.188.000)	(9.702.648.116.120)
Tiền thu hồi cho vay bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.207.337.896.509	8.534.234.778.054
Tiền thu lãi vay cổ tức và lợi nhuận được chia	27		457.785.383.783	537.030.186.854
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.569.955.664.285)	(1.152.319.348.810)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*(Theo phương pháp gián tiếp)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		5.532.389.094.022	3.687.971.107.058
Tiền trả nợ gốc vay	34		(4.851.210.233.136)	(4.155.661.039.828)
Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(32.937.604.601)	(2.444.511.581.118)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		648.241.256.285	(2.912.201.513.888)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		927.173.487.949	(945.046.659.591)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	115.781.847.631	1.060.574.918.860
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.435.308.818)	253.588.362
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	1.040.520.026.762	115.781.847.631

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Hồng Đức

Trương Thị Loan

Lưu Bách Đạt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101452588 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 5 tháng 3 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ 26) được cấp vào ngày 22 tháng 7 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là DGC.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, Phường Việt Hưng, TP. Hà Nội, Việt Nam.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") là sản xuất công nghiệp. Hoạt động chính của Tập đoàn bao gồm:

- Sản xuất hoá chất cơ bản, chi tiết: sản xuất nguyên liệu và các mặt hàng hóa chất;
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ, chi tiết: sản xuất các mặt hàng phân bón;
- Buôn bán các mặt hàng cao su, sơn, chất dẻo, phân bón; buôn bán nguyên liệu và các mặt hàng hóa chất;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; và
- Khai khoáng.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1.4 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN (TIẾP)****1.5 CẤU TRÚC TẬP ĐOÀN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn có ba (03) chi nhánh trực thuộc hạch toán phụ thuộc (Chi nhánh Hưng Yên, thành phố Hồ Chí Minh và Lào Cai), tám (08) công ty con trực tiếp và gián tiếp. Chi tiết như sau:

STT	Tên công ty con	Địa chỉ hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	Khu công nghiệp Tăng Loóng, xã Tăng Loóng, tỉnh Lào Cai	100%	100%	Sản xuất công nghiệp
2	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang - Đình Vũ	Lô CN5.3K, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng	100%	100%	Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa
3	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn	Khu công nghiệp số 15, Khu kinh tế Nghi Sơn, xã Trường Lâm, tỉnh Thanh Hóa	100%	100%	Sản xuất công nghiệp
4	Công ty TNHH MTV Thể thao Hóa chất Đức Giang	Phường Việt Hưng, thành phố Hà Nội	100%	100%	Hoạt động thể thao
5	Công ty TNHH MTV Bất động sản Đức Giang	Phường Việt Hưng, thành phố Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh bất động sản
6	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang - Đắk Nông	Khu Công nghiệp Tâm Thắng, Xã Cư Jú, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất công nghiệp
7	Công ty Cổ phần Ấc quy Tia Sáng	Đại lộ Tôn Đức Thắng, Phường An Hải, TP Hải Phòng, Việt Nam	51%	51%	Sản xuất công nghiệp
8	Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam	Khu công nghiệp Tăng Loóng, xã Tăng Loóng, tỉnh Lào Cai	51%	51%	Sản xuất công nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn có 2.674 nhân viên (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025: 2.534 nhân viên).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH****2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2.3 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Tập đoàn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

2.4 CÁC LOẠI TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI ÁP DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo một tỷ giá là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua, bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tập đoàn đảm bảo tỷ giá xấp xỉ có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua/bán chuyển khoản trung bình, và không làm ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.5 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực hiện hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)****2.5 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Tập đoàn sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một năm tài chính. Nếu ngày kết thúc năm tài chính khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc năm tài chính của các công ty và ngày kết thúc năm tài chính của Tập đoàn. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm tài chính.

Hợp nhất kinh doanh***Hợp nhất kinh doanh theo phương pháp mua***

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua và phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh liên quan đến các đơn vị chịu sự kiểm soát chung

Các đơn vị chịu sự kiểm soát chung là các đơn vị chịu sự kiểm soát bởi cùng một bên (công ty hoặc cá nhân) hoặc nhiều bên (nhóm công ty hoặc nhóm cá nhân) kể cả trước hoặc sau khi hợp nhất kinh doanh và việc kiểm soát là lâu dài.

Phương pháp hạch toán áp dụng cho hợp nhất kinh doanh liên quan đến các đơn vị chịu sự kiểm soát chung được trình bày như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ, không đánh giá lại giá trị hợp lý;
- Không phát sinh lợi thế thương mại từ giao dịch hợp nhất kinh doanh;
- Chênh lệch giữa giá phí đầu tư của bên mua và giá trị tài sản thuần của bên bị mua được trình bày riêng biệt như một khoản phụ trội hay giảm trừ trong nguồn vốn chủ sở hữu (trình bày tại chỉ tiêu "Vốn khác của chủ sở hữu" – Mã số 414);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)****2.5 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

- Bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh tình hình tài chính và kết quả hoạt động của các đơn vị hợp nhất kể từ ngày phát sinh nghiệp vụ hợp nhất.

Sau ngày hợp nhất kinh doanh, nếu Tập đoàn chuyển nhượng và mất quyền kiểm soát khoản đầu tư vào các đơn vị này, phần chênh lệch giữa giá phí đầu tư của bên mua và giá trị tài sản thuần của bên bị mua đã được hạch toán trước đây vào chỉ tiêu "Vốn khác chủ sở hữu" sẽ được kết chuyển sang chỉ tiêu "LNST chưa phân phối" trong bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Nghệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào LNST chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Tập đoàn không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)****2.5 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế và được đánh giá tổn thất định kỳ hàng năm. Khi có bằng chứng cho thấy giá trị lợi thế thương mại bị suy giảm, khoản tổn thất được ghi nhận vào chi phí trong kỳ với giá trị tương ứng với phần giá trị bị suy giảm.

Lợi thế thương mại không được ghi nhận trong nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh liên quan đến các đơn vị chịu sự kiểm soát chung.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi nhanh chóng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể về việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Tập đoàn trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.3 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm tài chính kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ (đối với thành phẩm và nguyên vật liệu sản xuất chính) và phương pháp kê khai thường xuyên (đối với nguyên vật liệu phụ và vật tư xuất dùng để lắp đặt, sửa chữa) để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

3.5 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ VÔ HÌNH**TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình**

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.5 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ VÔ HÌNH (TIẾP)****Khấu hao**

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, ngoại trừ phương tiện vận tải phục vụ cho hoạt động khai thác mỏ quặng được khấu hao theo phương pháp sản lượng, để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Khấu hao của TSCĐ được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, ngoại trừ TSCĐ được hình thành từ Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 3.15). Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải (*)	05 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 06
Phần mềm	05
Quyền sản xuất phốt pho	41

(*) Phương tiện vận tải phục vụ cho hoạt động khai thác mỏ quặng apatit tại Khai trường 25 được khấu hao theo phương pháp sản lượng khai thác, dự kiến trong vòng 6 năm (2021-2026).

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của Luật Đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.7 THUÊ TÀI SẢN**

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được khai thác mỏ quặng Apatit; cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp có hệ thống dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau ngày hiệu lực của Luật Đất đai 2003 (tức là ngày 01 tháng 7 năm 2004) hoặc không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được ghi nhận là chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê trả trước. Chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng liên quan đến đất thuê được phân bổ tương ứng với thời hạn thuê đất.

Chi phí phát sinh liên quan đến khai thác mỏ quặng Apatit tại Khai trường 25 của Tập đoàn được phân bổ theo sản lượng khai thác, dự kiến trong vòng 6 năm (2021-2026).

3.9 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

3.10 VAY VÀ PHẢI TRẢ THUÊ TÀI CHÍNH

Vay và phải trả thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và phải trả thuê tài chính từ các ngân hàng, bên liên quan và các đối tượng khác.

Các khoản vay và phải trả thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và phải trả thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.11 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng tài sản đủ điều kiện được vốn hóa trong suốt thời gian xây dựng cho đến khi tài sản hoàn thành và sẵn sàng đưa vào sử dụng.

Đối với các khoản vay chung được sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng tài sản đủ điều kiện, Tập đoàn xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa áp dụng trên chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho hoạt động đầu tư xây dựng. Tỷ lệ vốn hóa được tính dựa trên lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa thanh toán trong năm tài chính, loại trừ các khoản vay riêng biệt cho từng tài sản cụ thể.

Các chi phí đi vay khác được ghi nhận trực tiếp vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại năm phát sinh.

3.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí kinh doanh của năm tài chính.

3.13 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí kinh doanh trong năm tài chính.

3.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu trình bày khoản chênh lệch giữa giá phí đầu tư của bên mua và giá trị tài sản thuần của bên bán khi áp dụng phương pháp hợp nhất kinh doanh giữa các đơn vị chịu sự kiểm soát chung (Thuyết minh 2.5)

Cổ phiếu quỹ mua trước ngày hiệu lực của Luật Chứng khoán (ngày 1 tháng 1 năm 2021) là cổ phiếu do Tập đoàn phát hành và được mua lại bởi chính Tập đoàn, nhưng chưa bị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 1 tháng 1 năm 2021 sẽ được huỷ bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ sau thuế lũy kế) phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.15 PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**

Lợi nhuận của Tập đoàn được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ như sau:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn.

Bên cạnh đó, theo Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, Quỹ cũng được dùng để mua sắm TSCĐ dùng cho các hoạt động văn hóa, phúc lợi của nhân viên. Theo đó, Tập đoàn ghi nhận TSCĐ trên báo cáo tài chính hợp nhất và trích khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính (Thuyết minh 3.5). Tuy nhiên, khấu hao của các TSCĐ này không được ghi vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, mà được ghi giảm Quỹ.

3.16 GHI NHẬN DOANH THU**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.16 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)****Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỷ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

3.17 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tài chính tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm tài chính phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm tài chính, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm tài chính lập báo cáo.

3.18 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

3.19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm lỗ tỷ giá hối đoái.

3.20 CHI PHÍ BÁN HÀNG

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.21 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tập đoàn.

3.22 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

(a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

(b) Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

3.23 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tập đoàn căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.24 BẢO CÁO BỘ PHẬN**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc của Tập đoàn xác định rằng rủi ro và tỷ suất sinh lời của doanh nghiệp bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về các loại sản phẩm, dịch vụ mà Tập đoàn cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là theo lĩnh vực kinh doanh.

3.25 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN TRỌNG YẾU

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ;
- Thuế TNDN;
- Nợ tiềm tàng và các cam kết khác.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	3.702.926.942	1.868.058.654
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	757.672.739.820	88.253.288.977
Các khoản tương đương tiền (*)	279.144.360.000	25.660.500.000
Cộng	1.040.520.026.762	115.781.847.631

(*) Số dư cuối năm của khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trong nước với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
		VND		VND
Ngắn hạn	12.065.290.261.748	12.065.290.261.748	10.570.339.235.577	10.570.339.235.577
- Tiền gửi có kỳ hạn	12.065.290.261.748	12.065.290.261.748	10.570.339.235.577	10.570.339.235.577
Cộng	12.065.290.261.748	12.065.290.261.748	10.570.339.235.577	10.570.339.235.577

Số dư cuối kỳ bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước và thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng với lãi suất từ 5,0% đến 6,7% một năm cho Đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4,1% đến 6,0% một năm) và lãi suất 0% một năm cho Đô la Mỹ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn có các khoản tiền gửi có kỳ hạn với tổng trị giá là 316,1 tỷ Đồng được dùng để làm tài sản đảm bảo cho các hợp đồng vay với ngân hàng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 217,5 tỷ Đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

6. PHẢI THU NGÁN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngán hạn	651.126.141.033	(4.979.969.415)	500.443.577.069	-
- K.S International	122.921.019.405	-	28.806.113.749	-
- ICL Specialty Products INC	115.435.299.562	-	12.325.114.104	-
- Mitsubishi Corporation	86.175.479.713	-	60.813.553.912	-
- Italmatch Chemicals S.P.A	21.028.492.800	-	41.209.632.000	-
- Công ty TNHH Văn Minh	20.261.985.564	-	14.407.693.082	-
- Perimeter Solutions De GMBH	5.201.839.960	-	66.715.667.100	-
- Khác	280.102.024.029	(4.979.969.415)	276.165.803.122	-
Cộng	651.126.141.033	(4.979.969.415)	500.443.577.069	-
Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 31	20.261.985.564	-	14.407.693.082	-

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngán hạn	241.934.976.766	-	257.511.944.722	-
- China Tianchen Engineering Corporation	-	-	161.977.073.076	-
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Văn Giang - Văn Nam	61.554.706.769	-	4.229.547.960	-
- Công ty CP Cấp điện và hệ thống LS-Vina	26.327.936.520	-	-	-
- Các đối tượng khác	154.052.333.477	-	91.305.323.686	-
Cộng	241.934.976.766	-	257.511.944.722	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	332.334.512.496	-	226.626.463.848	-
- Dự thu về lãi tiền gửi ngân hàng	330.919.324.902	-	225.323.550.208	-
- Các khoản phải thu khác	1.415.187.594	-	1.302.913.640	-
Dài hạn	9.250.000.000	-	32.496.859.984	-
- Ký cược, ký quỹ	9.250.000.000	-	25.500.000.000	-
- Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Lào Cai	-	-	6.996.859.984	-
Cộng	341.584.512.496	-	259.123.323.832	-

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	1.001.639.649.134	-	332.252.789.066	-
- Công cụ, dụng cụ	104.285.989.319	-	78.910.229.668	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.310.561.159	-	1.407.552.136	-
- Hàng hóa	62.348.906	-	115.460.214	-
- Hàng mua đang đi đường	115.016.645.628	-	142.191.315.000	-
- Thành phẩm	459.547.438.580	(331.341.835)	430.153.084.742	(302.859.789)
Cộng	1.681.862.632.726	(331.341.835)	985.030.430.826	(302.859.789)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	5.693.962.034	6.901.464.654
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.532.859.502	2.969.498.943
- Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.161.102.532	3.931.965.711
Dài hạn	230.079.085.866	349.565.061.422
- Chi phí giải phóng mặt bằng đất thuê (i)	107.335.055.059	111.758.837.780
- Tiền thuê đất trả trước (ii)	66.154.843.863	68.894.991.999
- Chi phí trả trước Khai trường 25	-	59.271.786.555
- Lợi thế quyền sử dụng đất thuê (iii)	27.591.831.379	28.528.206.790
- Chi phí sửa chữa TSCD	18.358.713.076	65.457.777.026
- Khác	10.638.642.489	15.653.461.272
Cộng	235.773.047.900	356.466.526.076

- i. Số dư còn lại tiền giải phóng mặt bằng trả một lần được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 16 đến 49 năm phù hợp với thời gian của từng hợp đồng thuê đất.
- ii. Số dư còn lại tiền thuê đất trả một lần được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 29 năm đến 37 năm phù hợp với thời gian của từng hợp đồng thuê đất
- iii. Lợi thế quyền sử dụng đất thuê được phát sinh từ giao dịch mua Công ty Cổ phần Ác quy Tia Sáng và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 22 năm phù hợp với thời gian còn lại của hợp đồng thuê đất kể từ thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện, vận tải VND	Thiết bị, văn phòng VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2025	2.503.947.855.010	2.236.403.643.992	275.626.495.096	20.592.855.385	5.036.570.849.483
- Mua trong năm	802.164.869	35.907.592.702	11.134.389.622	494.490.740	48.338.637.933
- Đầu tư XDCB hoàn thành	12.128.238.256	6.519.935.981	-	-	18.648.174.237
- Phân loại lại	11.934.656.780	21.541.700.400	-	10.111.061	33.486.468.241
- Thanh lý, nhượng bán	-	(7.960.267.020)	(18.109.630.079)	-	(26.069.897.099)
- Tăng/(Giảm) khác	-	-	-	(266.172.727)	(266.172.727)
31/12/2025	2.528.812.914.915	2.292.412.606.055	268.651.254.639	20.831.284.459	5.110.708.060.068
KHẤU HAO LŨY KẾ					
01/01/2025	(1.162.504.429.052)	(1.518.665.404.073)	(189.064.762.372)	(14.046.018.216)	(2.884.280.613.713)
- Khấu hao trong năm	(108.145.020.231)	(155.728.257.506)	(36.321.721.783)	(2.059.842.633)	(302.254.842.153)
- Phân loại lại	196.221.000	(136.413.996)	-	1.073.992	60.880.996
- Thanh lý, nhượng bán	-	7.548.895.185	11.391.619.259	-	18.940.514.444
- Tăng/(Giảm) khác	-	-	-	266.172.727	266.172.727
31/12/2025	(1.270.453.228.283)	(1.666.981.180.390)	(213.994.864.896)	(15.838.614.130)	(3.167.267.887.699)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2025	1.341.443.425.958	717.738.239.919	86.561.732.724	6.546.837.169	2.152.290.235.770
31/12/2025	1.258.359.686.632	625.431.425.665	54.656.389.744	4.992.670.329	1.943.440.172.369

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.446.201.173.683 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.473.887.399.590 Đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Quyền sản xuất phốt pho VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2025	10.680.114.359	344.344.880.930	1.045.839.000	356.070.834.289
31/12/2025	10.680.114.359	344.344.880.930	1.045.839.000	356.070.834.289
KHẤU HAO LŨY KẾ				
01/01/2025	-	(11.849.925.052)	(1.006.273.936)	(12.856.198.988)
- Khấu hao trong năm	-	(8.364.652.978)	(26.376.720)	(8.391.029.698)
31/12/2025	-	(20.214.578.030)	(1.032.650.656)	(21.247.228.686)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2025	10.680.114.359	332.494.955.878	39.565.064	343.214.635.301
31/12/2025	10.680.114.359	324.130.302.900	13.188.344	334.823.605.603

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 788.666.000 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 788.666.000 Đồng)

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
- Dự án nhà máy hóa chất Nghi Sơn (i)	718.582.886.994	135.445.877.867
- Dự án nhà máy Đắc Nông	60.089.293.221	5.288.311.899
- Các dự án khác	26.114.336.852	20.519.216.408
Cộng	804.786.517.067	161.253.406.174

(i) Dự án số 1, Tổ hợp hóa chất Đức Giang Nghi Sơn tại xã Tân Trường và xã Phú Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (nay là Khu công nghiệp Đồng Vàng, thuộc phân khu công nghiệp số 15, xã Trường Lâm và phường Trúc Lâm, tỉnh Thanh Hóa) được đầu tư theo Quyết định số 2152/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Tổng mức đầu tư của dự án là 2.400 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam VND	Công ty Cổ phần Ác quy Tia Sáng VND	Công ty TNHH MTV Phốt Phô 6 VND	Cộng
NGUYÊN GIÁ				VND
Tại 01/01/2025	5.514.698.943	56.184.209.644	10.393.349.357	72.092.257.944
Tại 31/12/2025	5.514.698.943	56.184.209.644	10.393.349.357	72.092.257.944
GIÁ TRỊ PHÂN BỐ LŨY KẾ				
Tại 01/01/2025	(3.446.686.829)	(9.832.236.687)	(1.472.391.159)	(14.751.314.675)
- Phân bổ trong năm	(551.469.891)	(5.618.420.964)	(1.039.334.936)	(7.209.225.791)
Tại 31/12/2025	(3.998.156.720)	(15.450.657.651)	(2.511.726.095)	(21.960.540.466)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2025	2.068.012.114	46.351.972.957	8.920.958.198	57.340.943.269
Tại 31/12/2025	1.516.542.223	40.733.551.993	7.881.623.262	50.131.717.478

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị		Giá trị	
	VND	Số có khả năng trả nợ VND	VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn				
- Công ty CP Dịch vụ Năng lượng SBM Chi nhánh Lào Cai	203.816.930.867	203.816.930.867	313.173.681.804	313.173.681.804
	33.271.515.396	33.271.515.396	26.549.101.404	26.549.101.404
- Công ty TNHH Văn Minh	5.060.202.064	5.060.202.064	2.559.221.706	2.559.221.706
- Công ty CP Phân lân nung chảy Lào Cai	-	-	11.035.836.341	11.035.836.341
- Sun International FZE	-	-	142.191.315.000	142.191.315.000
- Các nhà cung cấp khác	165.485.213.407	165.485.213.407	130.838.207.353	130.838.207.353
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	<u>203.816.930.867</u>	<u>203.816.930.867</u>	<u>313.173.681.804</u>	<u>313.173.681.804</u>
	<u>5.060.202.064</u>	<u>5.060.202.064</u>	<u>2.559.221.706</u>	<u>2.559.221.706</u>

Phải trả người bán là các bên liên quan:

Chi tiết trình bày tại thuyết minh 31

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	31.538.346.574	31.538.346.574	72.040.064.302	72.040.064.302
- SHANKAR LAL RAMPAL DYE CHEM PRIVATE LIMITED	5.341.888.440	5.341.888.440	-	-
- GRAND DIGNITY INDUSTRIAL CO. LTD	2.793.950.650	2.793.950.650	-	-
- Công ty K S International	401.220.575	401.220.575	3.427.830.000	3.427.830.000
- Công ty TNHH Phấn bón Hàn - Việt	-	-	24.075.000.000	24.075.000.000
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thái Sơn	-	-	8.526.450.000	8.526.450.000
- Các đối tượng khác	23.001.286.909	23.001.286.909	36.010.784.302	36.010.784.302
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	31.538.346.574	31.538.346.574	72.040.064.302	72.040.064.302

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2025 Phải nộp VND	01/01/2025 Phải thu VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2025 Phải nộp VND	31/12/2025 Phải thu VND
- Thuế GTGT hàng nội địa	3.666.480.345	-	27.224.052.222	29.102.373.956	1.788.158.611	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	6.344.824.179	-	156.105.665.604	156.444.985.552	6.005.504.231	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	11.724.206.601	-	287.606.359.691	284.570.426.787	14.760.139.505	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	113.666.291.669	(560.000.000)	419.657.250.305	205.973.819.868	327.349.722.106	(560.000.000)
- Thuế thu nhập cá nhân	47.129.755.623	(486.609.837)	49.842.169.226	131.013.971.212	557.494.084	(35.086.150.284)
- Thuế tài nguyên, phí cấp quyền khai thác khoáng sản	459.343.532	-	36.566.907.881	36.149.446.788	876.804.625	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	7.673.290.887	8.188.444.903	-	(515.154.016)
- Các loại thuế khác	580.945.880	-	19.416.049.731	19.500.817.131	496.178.480	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.447.596.989	3.447.596.989	-	-
Cộng	183.571.847.829	(1.046.609.837)	1.007.539.342.536	874.391.883.186	351.834.001.642	(36.161.304.300)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

18. VAY VÀ PHẢI TRẢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	Giảm	Giá trị
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	864.648.943.903	864.648.943.903	5.532.389.094.022	372.693.857	4.851.210.233.136	1.546.200.498.646
Vay ngắn hạn	864.648.943.903	864.648.943.903	5.532.389.094.022	372.693.857	4.851.210.233.136	1.546.200.498.646
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	281.394.857.839	281.394.857.839	685.434.590.991	-	966.829.448.830	-
+ Vay ngắn hạn – VND	14.681.836.900	14.681.836.900	685.434.590.991	-	700.116.427.891	-
+ Vay ngắn hạn – USD	266.713.020.939	266.713.020.939	-	-	266.713.020.939	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	309.452.167.265	309.452.167.265	1.634.101.014.180	(152.308.769)	1.363.707.583.425	-
+ Vay ngắn hạn – VND	179.832.812.732	179.832.812.732	266.785.882.999	-	352.480.003.216	94.138.692.515
+ Vay ngắn hạn – USD	129.619.354.533	129.619.354.533	1.367.315.131.181	(152.308.769)	1.011.227.580.209	485.554.596.736
- Ngân hàng Đại chúng Kasikornbank Việt Nam (ii)	119.526.999.328	119.526.999.328	568.536.108.537	(100.209.488)	370.405.475.740	317.557.422.637
+ Vay ngắn hạn – VND	11.714.465.400	11.714.465.400	-	-	11.714.465.400	-
+ Vay ngắn hạn – USD	107.812.533.928	107.812.533.928	568.536.108.537	(100.209.488)	358.691.010.340	317.557.422.637
- Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) (VND) (iii)	-	-	840.515.552.016	403.696.642	569.246.700.777	271.672.547.881
- Ngân hàng TMCP Á Châu (USD) (iv)	154.274.919.471	154.274.919.471	1.586.581.843.927	221.515.472	1.519.805.872.567	221.272.406.303
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (v)	-	-	156.004.832.574	-	-	156.004.832.574
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	-	61.215.151.797	-	61.215.151.797	-
+ Vay ngắn hạn – VND	-	-	35.500.000.000	-	35.500.000.000	-
+ Vay ngắn hạn – USD	-	-	25.715.151.797	-	25.715.151.797	-
Cộng	864.648.943.903	864.648.943.903	5.532.389.094.022	372.693.857	4.851.210.233.136	1.546.200.498.646

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

18. VAY VÀ PHẢI TRẢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chi tiết các khoản vay cụ thể như sau:

TT	Bên cho vay	Hạn mức và thời hạn tín dụng	Số dư cuối năm VND	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
i	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai: Hạn mức tín dụng 1.000 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương. Thời hạn vay tối đa 135 ngày.	441.274.280.124	0,75 - 3,0%	Bổ sung vốn lưu động	Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (công ty mẹ) trị giá 1.000 tỷ Đồng
		Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang - Đắk Nông: Hạn mức 58 tỷ đồng.	3.450.000.000	0,75%	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số tiền 770.000 USD (tương đương 20 tỷ đồng) của Công ty CP Phốt Pho Apatit Việt Nam (công ty cùng Tập đoàn)
		Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam: Hạn mức 200 tỷ đồng.	117.902.776.175	0,75 - 3,0%	Bổ sung vốn lưu động	- Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai (công ty mẹ) có giá trị tối đa là 200 tỷ VND; - Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (công ty mẹ gián tiếp) có giá trị tối đa 200 tỷ VND; - Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trị giá 2.564.000 USD tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

18. VAY VÀ PHẢI TRẢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

TT	Bên cho vay	Hạn mức và thời hạn tín dụng	Số dư cuối năm VND	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
i	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Công ty Cổ phần Ác quy Tia Sáng: Hạn mức tín dụng 40 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương.	17.066.232.952	0,75 - 4,0%	Bổ sung vốn lưu động	- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trị giá 2 tỷ Đồng của công ty tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Đông Hải Phòng - Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trị giá 30 tỷ Đồng của Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai (công ty cùng Tập đoàn) tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hà Thành - Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trị giá 566.000 USD của Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai (công ty cùng Tập đoàn) tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hà Thành - Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trị giá 194.000 USD của Công ty cổ phần Phot pho Apatit Việt Nam (công ty con của công ty mẹ) tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành
		Tổng cộng	579.693.289.251			
ii	Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank (Việt Nam)	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai: Hạn mức 400 tỷ đồng.	317.557.422.637	2,9 - 3,0%	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng bảo lãnh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (công ty mẹ) tối đa 400 tỷ Đồng
iii	Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai: Hạn mức 500 tỷ đồng.	271.672.547.881	2,65 - 2,95%	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng bảo lãnh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (công ty mẹ) tối đa 500 tỷ Đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

18. VAY VÀ PHẢI TRẢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

TT	Bên cho vay	Hạn mức và thời hạn tín dụng	Số dư cuối năm VND	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
iv	Ngân hàng TMCP Á Châu	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai: Hạn mức 700 tỷ đồng.	182.452.795.109	3,0 - 3,05%	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng bảo lãnh cho toàn bộ nghĩa vụ nợ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (công ty mẹ)
		Công ty Cổ phần Photpho Apatit Việt Nam: Hạn mức 200 tỷ đồng.	38.819.611.194	3,0 - 3,05%	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng bảo lãnh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (công ty mẹ) cho toàn bộ khoản vay phát sinh
		Tổng cộng	221.272.406.303			
v	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VND)	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai: Hạn mức 300 tỷ đồng.	119.317.250.027	0,75%	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn bằng USD của công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN thành phố Hà Nội với tổng trị giá 5,200,000 USD (134,68 tỷ đồng)
		Công ty Cổ phần Ác quy Tia Sáng: Hạn mức tín dụng 35 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương. Thời hạn cho vay 6 tháng từ thời điểm giải ngân. Khoản vay được giải ngân trong năm 2025 bằng USD	18.668.264.713	0,75% - 1%	Bổ sung vốn lưu động	- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trị giá 1.100.000 USD của Công ty cổ phần Photpho Apatit Việt Nam (công ty cùng Tập đoàn) tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - CN thành phố Hà Nội - Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trị giá 500.000 USD của Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai (công ty cùng Tập đoàn) tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - CN thành phố Hà Nội
		Công ty Cổ phần Photpho Apatit Việt Nam: Hạn mức 200 tỷ đồng.	18.019.317.834	0,75%	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trị giá 1.100.000 USD của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành phố Hà Nội
		Tổng cộng	156.004.832.574			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU

	31/12/2025	01/01/2025
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	379.779.286	379.779.286
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	379.779.286	379.779.286
+ Cổ phiếu phổ thông	379.779.286	379.779.286
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	873	873
+ Cổ phiếu phổ thông	873	873
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	379.778.413	379.778.413
+ Cổ phiếu phổ thông	379.778.413	379.778.413
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

19.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Cổ phiếu phổ thông CP	Tỷ lệ %	Cổ phiếu phổ thông CP	Tỷ lệ %
Ông Đào Hữu Huyền	69.794.354	18,378%	69.794.354	18,378%
Bà Ngô Thị Ngọc Lan	25.205.068	6,637%	25.205.068	6,637%
Ông Đào Hữu Kha	22.667.148	5,969%	22.667.148	5,969%
Cổ đông khác	262.111.843	69,017%	262.111.843	69,017%
Cổ phiếu quỹ	873	0,0002%	873	0,0002%
Cộng	379.779.286	100,000%	379.779.286	100,000%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

19.3 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND		Thặng dư vốn cổ phần VND		Vốn khác của chủ sở hữu VND		Cổ phiếu quỹ VND		Quỹ đầu tư phát triển VND		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND		Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND		Tổng cộng VND	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND	
01/01/2024	3.797.792.860.000		1.786.667.372.400		(849.228.747.207)		(8.730.000)		972.670.168.201		5.999.140.534.512		330.299.347.510		12.037.332.805.416	
- Lãi trong năm	-		-		-		-		-		2.986.646.667.039		120.755.152.854		3.107.401.819.893	
- Trả cổ tức bằng tiền	-		-		-		-		-		(1.139.335.239.000)		(99.834.330.768)		(1.239.169.569.768)	
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-		-		-		-		447.343.576.915		(447.343.576.915)		-		-	
- Chi quỹ đầu tư phát triển	-		-		-		-		(2.549.299.462)		-		-		(2.549.299.462)	
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-		-		-		-		-		(193.841.109.643)		(8.158.346.309)		(201.999.455.952)	
31/12/2024	3.797.792.860.000		1.786.667.372.400		(849.228.747.207)		(8.730.000)		1.417.464.445.654		7.205.267.275.993		343.061.823.287		13.701.016.300.127	
01/01/2025	3.797.792.860.000		1.786.667.372.400		(849.228.747.207)		(8.730.000)		1.417.464.445.654		7.205.267.275.993		343.061.823.287		13.701.016.300.127	
- Lãi trong năm	-		-		-		-		-		2.990.397.053.977		163.360.476.400		3.153.757.530.377	
- Trích quỹ KTPL (*)	-		-		-		-		-		(186.731.382.877)		(6.761.955.078)		(193.493.337.955)	
- Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-		-		-		-		379.346.618.638		(379.346.618.638)		-		-	
- Chia cổ tức năm 2024 (*)	-		-		-		-		-		-		(155.433.384.600)		(155.433.384.600)	
- Tạm phân phối cổ tức năm 2025 (**)	-		-		-		-		-		(1.139.335.239.000)		-		(1.139.335.239.000)	
- Tăng/Giảm khác	-		-		-		-		4.302.475.275		97		(2)		4.302.475.370	
31/12/2025	3.797.792.860.000		1.786.667.372.400		(849.228.747.207)		(8.730.000)		1.801.113.539.567		8.490.251.089.552		344.226.960.007		15.370.814.344.319	

(*) Phương án phân chia lợi nhuận năm 2024 được thực hiện theo các Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang ngày 31 tháng 3 năm 2025, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Photpho Apatit Việt Nam đề ngày 27 tháng 3 năm 2025 và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Ác quy Tia Sáng ngày 15 tháng 3 năm 2025.

(**) Công ty CP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang tạm phân phối cổ tức năm 2025 căn cứ theo kế hoạch Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/03/2025 và Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐQT ngày 18/12/2025 của Hội đồng Quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**20. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ kế toán, điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong kỳ kế toán trừ đi cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	2.990.397.053.977	2.986.646.667.039
Số trích quỹ khen thưởng (VND) (*)	(179.423.823.239)	(179.198.800.022)
Lợi nhuận/ (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	2.810.973.230.738	2.807.447.867.017
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	379.778.413	379.778.413
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	7.402	7.392

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi được tính theo phương pháp trích lập của năm trước.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu của Tập đoàn bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu do Tập đoàn không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**Ngoại tệ các loại**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm bao gồm số ngoại tệ là 10.243.720,96 Đô la Mỹ và 126,24 Euro (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 1.755.882,46 Đô la Mỹ và 147,83 Euro).

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng hóa	17.598.929.768	3.975.575.231
- Doanh thu bán thành phẩm	11.234.489.911.312	9.851.739.381.391
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.947.395.853	14.940.473.589
Cộng	11.267.036.236.933	9.870.655.430.211
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Giảm giá hàng bán	-	5.635.665.738
- Chiết khấu thương mại	4.654.836.985	-
- Hàng bán trả lại	-	50.004.000
Cộng	4.654.836.985	5.685.669.738
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	11.262.381.399.948	9.864.969.760.473
Doanh thu với các bên liên quan:		
<i>Chi tiết trình bày tại thuyết minh 31</i>	233.970.903.779	192.864.809.045

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	66.848.932.826	2.447.876.726
- Giá vốn thành phẩm đã bán	7.673.272.159.954	6.413.034.489.116
Cộng	7.740.121.092.780	6.415.482.365.842

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	614.466.893.157	540.260.950.378
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	114.181.028.047	108.659.718.341
- Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	-	322.395.218
Cộng	728.647.921.204	649.243.063.937

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Lãi tiền vay	40.759.945.619	21.654.372.047
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	58.222.167.293	45.815.933.406
- Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	8.883.530.337	1.657.165.148
Cộng	107.865.643.249	69.127.470.601

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Các khoản chi phí bán hàng	385.375.771.383	447.124.707.178
- Chi phí vận chuyển	251.636.187.731	327.402.827.189
- Chi phí nhân viên	29.778.815.544	22.752.115.335
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.683.629.947	1.432.368.216
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.428.246.290	66.619.317.118
- Chi phí bằng tiền khác	34.848.891.871	28.918.079.320
Cộng	385.375.771.383	447.124.707.178

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>176.870.633.803</i>	<i>170.651.068.755</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	96.151.704.136	82.861.312.357
- Chi phí khấu hao tài sản cố định, lợi thế thương mại	27.669.964.336	28.259.448.060
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.920.461.293	12.701.039.662
- Chi phí bằng tiền khác	39.128.504.038	46.829.268.676
Cộng	176.870.633.803	170.651.068.755

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Số thuế TNDN trên lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% được thể hiện như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.567.368.396.684	3.400.275.511.529
Chi phí thuế TNDN hiện hành	419.657.250.305	296.157.417.008

Tập đoàn được hưởng ưu đãi về miễn, giảm thuế TNDN từ các dự án đầu tư của các công ty con trong Tập đoàn, bao gồm:

- **Công ty TNHH Một thành viên Hóa chất Đức Giang Lào Cai**

- + Dự án Lò sản xuất phốt pho số 1 và số 2: thuế suất 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (từ năm 2009 đến năm 2023), được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2010 đến năm 2013) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (kể từ năm 2014 đến năm 2022). Thuế suất áp dụng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 là 20%;
- + Dự án Nhà máy sản xuất Supe lân giàu, Nhà máy Sản xuất Dicalcium Phosphate (DCP): thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (từ năm 2014 đến năm 2028), được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2019 đến năm 2027);
- + Dự án Nhà máy sản xuất Mono Amoni Phốt phát (MAP): thuế suất 10% trong 13 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (từ năm 2016 đến năm 2028), được miễn thuế 3 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2016 đến năm 2018) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2019 đến năm 2027);
- + Dự án Nhà máy Sản xuất axit photphoric trích ly và phân lân giàu (TSP): thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (từ năm 2014 đến năm 2028), được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026);
- + Dự án Dây chuyền sản xuất Silicate và các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án đầu tiên (từ năm 2009 đến năm 2023). Thuế suất áp dụng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 là 20%;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (TIẾP)****- Công ty TNHH Một thành viên Hóa chất Đức Giang Lào Cai**

- + Dự án Nhà máy Sản xuất axit photphoric thực phẩm và các muối photphat: thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (từ năm 2016 đến năm 2030), được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2016 đến năm 2019) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2020 đến năm 2028); và
- + Dự án Nhà máy sản xuất axit photphoric điện tử và các muối photphat giai đoạn 2: miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2021 đến năm 2025) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2026 đến năm 2034);
- + Dự án sản xuất photpho vàng: thuế suất 10% trong 9 năm kể từ khi dự án sản xuất photpho vàng đi vào hoạt động (từ năm 2023 đến năm 2031), được giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2023 đến năm 2031).

- Công ty Cổ phần Photpho Apatit Việt Nam

- + Dự án sản xuất photpho vàng: thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án sản xuất photpho vàng đi vào hoạt động (từ năm 2018 đến năm 2032), được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2018 đến năm 2021) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (kể từ năm 2022 đến năm 2030).

- Công ty TNHH MTV Hóa Chất Đức Giang - Đình Vũ:

- + Dự án kho chứa hóa chất: thuế suất 10% trong vòng 15 năm kể từ năm phát sinh doanh thu từ hoạt động lưu trữ thuế (từ năm 2013 đến năm 2027). Thu nhập từ dự án trên được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ dự án (từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2019 đến năm 2027).

Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	4.924.968.024.804	3.944.606.031.872
- Chi phí nhân công	847.860.070.255	688.898.770.958
- Chi phí khấu hao tài sản cố định, LTTM	317.855.097.642	365.662.206.897
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.031.414.027.628	1.954.540.918.856
- Chi phí bằng tiền khác	184.660.843.419	63.337.952.999
Cộng	8.306.915.843.899	7.017.045.881.582

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**30. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Tập đoàn chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Tập đoàn cung cấp. Do đó, báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là theo lĩnh vực kinh doanh.

(a) Báo cáo bộ phận chính yếu (theo lĩnh vực kinh doanh)

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, doanh thu từ bán thành phẩm (chủ yếu gồm Phốt pho vàng, Axit các loại và phân bón) chiếm 99,1% tổng doanh thu của Tập đoàn (năm 2024 là 99,8%). Theo đó, Tập đoàn không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

(b) Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

Năm 2025:

Chỉ tiêu	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng Tập đoàn
	VND	VND	VND
KẾT QUẢ KINH DOANH			
Doanh thu thuần từ bán hàng và dịch vụ ra bên ngoài	3.493.389.518.034	7.768.991.881.914	11.262.381.399.948
Tài sản không phân bổ			19.538.123.404.072
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ (*)			(589.262.122.472)

Năm 2024:

Chỉ tiêu	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng Tập đoàn
	VND	VND	VND
KẾT QUẢ KINH DOANH			
Doanh thu thuần từ bán hàng và dịch vụ ra bên ngoài	3.118.028.401.892	6.746.941.358.581	9.864.969.760.473
Tài sản không phân bổ			15.821.258.623.564
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ (*)			(522.002.864.265)

(*) Tập đoàn không trình bày chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ trên báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý bởi Tập đoàn chỉ hoạt động trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam và không theo dõi TSCĐ theo vị trí của khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**31. THÔNG TIN KHÁC****31.1 BÊN LIÊN QUAN**

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Tên	Mối quan hệ
Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và các cá nhân có liên quan của các cá nhân này	Thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Văn Minh	Chung sự kiểm soát của Chủ tịch HĐQT

(a) Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	233.970.903.779	192.864.809.045
Công ty TNHH Văn Minh	233.970.903.779	192.864.809.045
	VND	VND
Mua dịch vụ, hàng hóa	147.458.468.779	127.004.682.841
Công ty TNHH Văn Minh	147.458.468.779	127.004.682.841
	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập của các nhân sự quản lý chủ chốt		
Ông Đào Hữu Huyền - Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 08/05/2026)	557.608.000	505.608.000
Ông Đào Hữu Duy Anh - Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 08/05/2026)	2.998.535.352	2.573.565.092
Ông Phạm Văn Hùng - Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 08/05/2026)	2.478.055.855	2.232.225.281
Ông Lưu Bách Đạt - Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ 03/03/2026)	2.359.428.760	1.763.944.445
Ông Nguyễn Văn Quang - Thành viên HĐQT	-	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Thành viên HĐQT	96.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Văn Kiên - Trưởng Ban Kiểm soát	903.053.628	811.267.934
Ông Vũ Văn Ngộ - Thành viên Ban Kiểm soát	72.000.000	72.000.000
Bà Phạm Thị Thoa - Thành viên Ban Kiểm soát	673.425.649	432.328.697
Bà Đào Thị Mai - Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 08/05/2026)	2.171.049.475	1.916.176.837
Cộng	12.309.156.720	10.403.116.287

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**31. THÔNG TIN KHÁC****31.1 BÊN LIÊN QUAN****(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu khách hàng	20.261.985.564	14.407.693.082
Công ty TNHH Văn Minh	20.261.985.564	14.407.693.082
	VND	VND
Phải trả người bán	5.060.202.064	2.559.221.706
Công ty TNHH Văn Minh	5.060.202.064	2.559.221.706

31.2 CÁC CAM KẾT**Cam kết thuê hoạt động**

Cam kết thuê hoạt động phản ánh số tiền thuê đất của Tập đoàn. Tập đoàn phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền thuê đất		
Đến 1 năm	7.122.807.338	7.305.560.698
Từ 1 năm đến 5 năm	31.950.580.953	32.475.791.023
Trên 5 năm	160.966.988.571	225.049.847.413
Cộng	200.040.376.863	264.831.199.134

32. NỢ TIỀM TÀNG**Chi phí hoàn nguyên các khu đất thuê**

Tập đoàn đã ký các hợp đồng thuê đất và đã thực hiện việc xây dựng công trình và hạ tầng trên các lô đất thuê này. Hầu hết các hợp đồng thuê đất này không có quy định về nghĩa vụ cần hoàn nguyên khu đất thuê. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá là Tập đoàn có thể có các nghĩa vụ trong tương lai liên quan đến việc tháo dỡ, di dời các tài sản của Tập đoàn ra khỏi khu đất và phục hồi khu đất về tình trạng ban đầu tại cuối thời hạn thuê đất, và nghĩa vụ này chỉ có thể xác định được rõ ràng khi có thêm các sự kiện trong tương lai, ví dụ như các trao đổi bổ sung với bên cho thuê đất hay khi cơ quan chức năng ban hành bổ sung các văn bản pháp luật làm rõ nghĩa vụ của bên đi thuê khi hợp đồng thuê đất không có điều khoản hoàn nguyên. Do đó, Tập đoàn không ghi nhận khoản dự phòng chi phí hoàn nguyên vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ngày 17/03/2026, Công Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang đã công bố thông tin về việc cơ quan chức năng khởi tố vụ án liên quan đến các vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng, vi phạm quy định về khai thác tài nguyên và gây ô nhiễm môi trường xảy ra tại Tập đoàn và các đơn vị liên quan. Theo đó, một số nguyên lãnh đạo chủ chốt của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (bao gồm Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng) đã bị khởi tố và đang trong quá trình phục vụ điều tra.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, do vụ việc đang trong quá trình điều tra và chưa có kết luận chính thức từ cơ quan có thẩm quyền, Ban Tổng Giám đốc chưa có đủ cơ sở và thông tin cần thiết để đánh giá một cách đáng tin cậy các ảnh hưởng tài chính có thể phát sinh từ sự kiện nêu trên. Tập đoàn sẽ tiếp tục theo dõi và cập nhật khi có thông tin chính thức, đồng thời xem xét ghi nhận hoặc thuyết minh bổ sung (nếu cần thiết) theo quy định hiện hành.

Ngoài các nội dung nêu trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần điều chỉnh hoặc thuyết minh bổ sung trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2026

Người lập

Nguyễn Thị Hồng Đức

Kế toán trưởng

Trương Thị Loan

Tổng Giám đốc



Lưu Bách Đạt